

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Đức Hưng.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị D**, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Tiêu Minh T**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã P, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Hồ Thị D trình bày: Về hôn nhân, vào năm 1997, bà và ông Tiêu Minh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, thời gian sau cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả, giữa bà và ông T không còn chung sống với nhau từ năm 2007 cho đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên bà Hồ Thị D yêu cầu ly hôn với ông Tiêu Minh T. Về con chung có 02 người con tên Tiêu Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 15/02/1998 và Tiêu Nhựt H (giới tính nam), sinh ngày 22/4/2000,

hiện các con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông Tiêu Minh T trình bày: Về hôn nhân, ông thống nhất phần trình bày của bà Hồ Thị D về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Giữa ông và bà D chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do cuộc sống bất đồng quan điểm, ông và bà D không còn chung sống như vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Hồ Thị D. Về con chung đúng là có 02 người như bà D trình bày, hiện các con chung đã trưởng thành có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Hồ Thị D yêu cầu ly hôn với ông Tiêu Minh T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Tiêu Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với Ông Tiêu Minh T là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, bà D và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà D và ông T không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà D xác định quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, thời gian sau cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả, cả hai người thống nhất xác định hiện tại không còn chung sống với nhau mà không thể hòa giải, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Bà D yêu cầu được ly hôn, ông T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà D. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà D và ông T không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà D và ông T đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Hồ Thị D và ông Tiêu Minh T không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung, cả hai người thống nhất xác định có 02 người con chung là Tiêu Bảo T (giới tính nữ), sinh ngày 15/02/1998 và Tiêu Nhựt H (giới tính nam), sinh ngày 22/4/2000, hiện các con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết xét thấy là phù hợp nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung, bà D và ông T thống nhất xác định không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, bà D phải nộp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14,

56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị D và ông Tiêu Minh T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Hồ Thị D đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007100, ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Hồ Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tiêu Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Đồi